TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2022/HNGĐ-ST
Ngày 04/4/2022
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- ***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Phúc.

- ***Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Bà Lê Thị Hiệp
2. Ông Mai Tấn Lộc

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Trần Hồng Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy.

Ngày 04 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cai Lậy mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 428/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2022/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn Phiên tòa số 30/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Hằng N, sinh năm 1991. (Có mặt)
Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện C, tỉnh T.
2. Bị đơn: Anh Quách Hoàng B, sinh năm 1987. (Vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp A, xã M, huyện C, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ghi ngày 13/12/2021, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Lê Thị Hằng N trình bày:***

Anh chị tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện C. Chung sống hạnh phúc được một thời gian thì đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn do không hợp tính tình, bất đồng quan điểm trong cuộc sống,

anh B thường xuyên rượu chè, cờ bạc và không quan tâm đến vợ con nên vợ chồng thường xuyên cự cãi. Anh chị sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với anh Quách Hoàng B.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Quách Hoàng Kh, sinh ngày 15/7/2011 hiện sống với chị, chị yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu anh B cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

***** Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn, đơn khởi kiện, bản tự khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ nhiều lần, anh B trực tiếp nhận các văn bản nhưng vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của chị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Xét thấy chị N và anh B chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Chị N xin ly hôn với anh B nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu của các bên đương sự: Tại phiên tòa chị N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, anh B vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử nhận thấy:

3.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị N trình bày vợ chồng chung sống không hạnh phúc, có nhiều mâu thuẫn, đã ly thân từ năm 2017 đến nay. Tại phiên tòa chị N cương quyết xin ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để hàn gắn mâu thuẫn cho các bên nhưng anh B vắng mặt không lý do và không có văn bản trình bày ý kiến, điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N.

3.2. Về con chung: Hiện đang sống với chị N, cuộc sống, sinh hoạt đã ổn định. Tại phiên tòa chị N yêu cầu tiếp tục nuôi con chung, phù hợp với nguyện vọng của cháu nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Anh B không tranh chấp nuôi con chung vợ chồng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N.

3.3. Về cấp dưỡng: Chị N chưa yêu cầu nên hội đồng xét xử không xem xét.

3.4. Về tài sản chung, nợ chung: Chị N chưa yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; khoản 1, 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về việc quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Hằng N.

1. Về hôn nhân: Cho chị Lê Thị Hằng N ly hôn với anh Quách Hoàng B.

2. Về con chung: Giao con chung tên Quách Hoàng Kh, sinh ngày 15/7/2011 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh B được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001566 ngày 23/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên chị N đã nộp xong án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự.

Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TG;
- VKSND huyện CL;
- THADS huyện CL;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Lưu;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hà Văn Phúc